TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2020/QĐST - HNGĐ	*Tam Đường, ngày 04 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật))

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Đoàn Trung Phước

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Khắc Huân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp bà Tô Đỗ Yến L - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ttỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020. Vê việc " Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Sùng A C, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản S, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

Chị Chư Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Địa chỉ: Bản S, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu của anh Sùng A C và chị Chư Thị T đề ngày 10 tháng 8 năm 2020, lời khai của anh C và chị T tại Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu đều trình bày: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện và không ai bị ép buộc. Tại thời điểm anh Sùng A C, sinh ngày 07/10/1995 chưa đủ tuổi kết hôn khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn anh C chưa có Chứng minh nhân dân và có làm bản tự khai đăng ký kết hôn khai Sùng A C, sinh năm 1993 để làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Chư Thị T. Việc làm thủ tục đăng ký kết hôn của UBND xã G do cán bộ tư pháp là bà Lưu Thị Lan H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Sùng A C, sinh năm 1993, Chư Thị T, sinh năm 1993, vào sổ số 43/2013, quyển số 01/2013 cấp ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau hòa thuận cho đến nay đã có 02 con chung là Sùng A P, Sùng A M. Nhận thấy việc đăng ký kết hôn của anh C, chị T trước đây là trái với quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn của anh Sùng

A C. Bên cạnh đó một số giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, giấy xác nhận hoàn thành chương trình bậc tiểu học, sổ hộ khẩu, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trích lục khai sinh anh Sùng A C đều ghi sinh ngày 07 tháng 10 năm 1995 không trùng khớp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của các con Sùng A P và Sùng A M anh Sùng A C đều ghi năm sinh là 1993, nên anh C, chị T đều thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh, chị, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh, chị kể từ ngày anh Sùng A C đủ tuổi kết hôn.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Sùng A C và chị Chư Thị T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp anh C, chị T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm, căn cứ khoản 2 Điều 376 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự vẫn tiếp tục mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9/Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Sùng A C và chị Chư Thị T.

- Công nhận quan hệ hôn nhân của anh anh Sùng A Cvà chị Chư Thị T kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2015.

- Về con chung: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về chia tài sản: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về lệ phí: Đề nghị miễn lệ phí cho anh Sùng A C và chị Chư Thị T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình, người yêu cầu anh Sùng A C và chị Chư Thị T có hộ khẩu thường trú tại bản S, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu và anh C, chị T thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu, căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc hôn nhân và gia đình đã thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu vào 07 tháng 11 năm 2013. Hội đồng giải quyết việc dân sự xét thấy thời điểm anh C, chị Tđăng ký kết hôn anh Sùng A C, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1995 chưa đủ điều kiện về độ tuổi để đăng ký kết hôn (mới 18 tuổi 01 tháng). Như vậy, việc đăng ký kết hôn của anh C, chị Thu tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm khoản 1 Điều 9/Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh C, chị T yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp của anh Sùng A C và chị Chư Thị T kể từ ngày anh Sùng A C đủ tuổi kết hôn: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật Sùng A C và chị Chư Thị T thì anh C, chị T đều đã đủ tuổi kết hôn (anh C đủ tuổi kết hôn kể từ ngày 07/10/2015, chị T trên 18 tuổi kể từ ngày 07/10/2015), hơn nữa sau khi kết hôn anh Sùng A C và chị Chư Thị T chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và anh C, chị T đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm anh C đủ tuổi kết hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11/Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Tại phiên họp anh Sùng A C và chị Chư Thị T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có yêu cầu bổ sung, căn cứ vào khoản 2 Điều 376/Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng giải quyết việc dân sự vẫn tiếp tục mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh C, chị T.

Về con chung; chia tài sản chung: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về kiến nghị Kiến nghị UBND xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng A C và chị Chư Thị T kể từ ngày anh Sùng A C đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về lệ phí: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khan, căn cứ Điều 12,

Điều 16/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh C, chị T được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Điều 149; Khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372/Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9/Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 16/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Sùng A C và chị Chư Thị T

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng A C và chị Chư Thị T, hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu cấp ngày 07 tháng 11 năm 2013.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng A C và chị Chư Thị T từ ngày 07 tháng 10 năm 2015.

2. Kiến nghị UBND xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh Sùng A C và chị Chư Thị T theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Sùng A C và chị Chư Thị T được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã G;
- Đương sự;
- Lưu HSVDS.

Đoàn Trung Phước